

Số: 10/2022/QĐST-HNGĐ

Quảng Nam, ngày 04 tháng 8 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH  
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ  
V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM**

***Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp:*** Bà Lê Thị Anh Đào

***Thư ký phiên họp:*** Bà Trần Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam tham gia phiên họp:***  
Bà Lê Thị Ngọc Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam mở phiên họp sơ thẩm công khai để giải quyết việc dân sự thụ lý số: 13/2022/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2022 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*” theo Quyết định mở phiên họp giải quyết việc dân sự sơ thẩm số: 12/2022/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2022, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

***Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:***

- Ông N, sinh năm 1976;

Hộ chiếu số: cấp ngày 20/01/2016, nơi cấp: Thành phố Hồ Chí Minh;

Chỗ ở hiện tại: India (Ấn Độ).

- Bà **Phạm Tr**, sinh năm 1993;

Căn cước công dân số: do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 01/3/2022;

Hộ khẩu thường trú, chỗ ở hiện tại: Thôn B, thị trấn T, huyện Ph, tỉnh Quảng Nam.

(Ông N và bà Phạm Tr đều vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

**NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:**

*Theo đơn yêu cầu và các văn bản có trong hồ sơ vụ án, người yêu cầu ông N và bà Phạm Tr trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Ông N và bà Phạm Tr tự tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 13/10/2015.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2017 thì ông N đi Phú Quốc làm việc và sau đó về lại Ấn Độ và không gặp lại nhau. Do phát sinh mâu thuẫn kéo dài, hiện tại tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài và không thể hòa giải được. Do vậy, ông N và bà Phạm Tr làm đơn yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông, bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại phiên họp sơ thẩm:*

- Ông N và bà Phạm Tr đều vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam phát biểu ý kiến: Từ khi thụ lý đến phiên họp, Thẩm phán, Thư ký và người yêu cầu giải quyết việc dân sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; đề nghị Tòa án căn cứ Điều 55, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 29, khoản 3 Điều 35, khoản 4 Điều 207, khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông N và bà Phạm Tr.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

[1.1] Ông N và bà Phạm Tr cùng làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn. Khi thụ lý việc dân sự, ông N đang sinh sống tại Ấn Độ. Căn cứ khoản 2 Điều 29, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm h khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2] Tại phiên họp, ông N và bà Phạm Tr đều vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên họp giải quyết việc hôn nhân và gia đình vắng mặt ông N và bà Phạm Tr theo quy định pháp luật.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Ông N và bà Phạm Tr đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn, vào sổ đăng ký kết hôn số 76 vào ngày 13/10/2015. Hôn nhân của ông, bà là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng. Nay ông N và bà Phạm Tr thỏa thuận, thống nhất và cùng làm đơn yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy, ông N và bà Phạm Tr không còn sống chung từ năm 2017, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, việc ông N và bà Phạm Tr cùng yêu cầu ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận, công nhận thuận tình ly hôn giữa ông N và bà Phạm Tr.

[2.2] *Về con chung*: Ông N và bà Phạm Tr không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Ông N và bà Phạm Tr tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[3] *Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự*: Căn cứ khoản 2 Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ông N và bà Phạm Tr phải chịu lệ phí sơ thẩm.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 29, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm h khoản 2 Điều 39, khoản 2 Điều 149, khoản 2 Điều 367, Điều 370, Điều 371, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn yêu cầu của ông N và bà Phạm Tr về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*”.

**1.** Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông N và bà Phạm Tr.

**2.** Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Ông N và bà Phạm Tr mỗi người phải chịu 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí sơ thẩm 300.000 đồng ông N và bà Phạm Tr đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000186 ngày 30/6/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam. Ông N và bà Phạm Tr đã nộp xong lệ phí.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

## **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỢP**

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- UBND tỉnh Quảng Nam;
- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

**Lê Thị Anh Đào**